TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 155/2023/DS - ST
Ngày: 15/9/2023
V/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Trang

Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Lương Hùng Đức
3/ Ông Phạm Văn Cư
-Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2022 về "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2023/QĐXX-DS ngày 03 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 185/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S (S)
Trụ sở: Lầu 8, 266-268 Đường N, Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền là Hồ Thị Minh T, Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm thẻ (theo Giấy ủy quyền số 1159/2020/GUQ-PL ngày 05/5/2020)

Người đại diện theo ủy quyền của bà T là ông Phạm Trường R (theo Giấy ủy quyền số 703/2021/UQ-TTT ngày 23/6/2021).

Bị đơn: Ông Chương Quốc H, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 81/74 Đường V, Phường N, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2021 và quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Trường R là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 27/12/2013 Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) và ông Chương Quốc H có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ

tín dụng của Ngân hàng), với hạn mức sử dụng thẻ là 80.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Loại thẻ Visa, số thẻ 472075-0481, lãi suất là 2.6%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 285.741.134 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay ông H đã thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền là 282.207.582 đồng. Tổng số tiền thanh toán được áp dụng theo điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng.

Do ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 06/3/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, dư nợ tại thời điểm này là 92.458.463 đồng làm nợ gốc, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Tính đến ngày 22/8/2023 ông H còn nợ các khoản sau : nợ gốc là 92.458.463 đồng, nợ lãi quá hạn là 108.176.400 đồng, tổng cộng là 200.634.863 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 22/8/2023 tổng cộng là 200.634.863 đồng. Ông H còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh tính từ ngày 23/8/2023 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn ông Chương Quốc H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng không đến tòa làm việc nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông Chương Quốc H phải thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 15/9/2023 là 203.519.567 đồng, trong đó nợ gốc là 92.458.463 đồng, nợ lãi quá hạn là 111.061.104 đồng.

Ngoài ra, ông H còn có trách nhiệm thanh toán tiếp khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 16/9/2023 cho đến khi ông H trả hết nợ theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp. Những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ các bản tự khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định pháp luật và các điều khoản, điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", do bị đơn ông Chương Quốc H có địa chỉ nơi cư trú tại Quận N nên vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận N, theo quy định tại khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét bị đơn ông Chương Quốc H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

* Về nội dung:

[1] Về yêu cầu đương sự:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 27/12/2013 Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho ông Chương Quốc H, hạn mức tín dụng là 80.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất áp dụng cho thẻ Visa là 2.6%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 285.741.134 đồng, đã thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền là 282.207.582 đồng. Tổng số tiền thanh toán được áp dụng theo Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng.

Do ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 06/3/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, dư nợ tại thời điểm này là 92.458.463 đồng làm nợ gốc, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Tính đến ngày xét xử 15/9/2022 ông H còn nợ ngân hàng tổng cộng là 203.519.567 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông Chương Quốc H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 203.519.567 đồng (trong đó nợ gốc là 92.458.463 đồng, nợ lãi quá hạn là 111.061.104 đồng). Ông H còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh tính từ ngày 16/9/2023 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Căn cứ vào bảng kê chi tiết giao dịch của khách hàng, bảng tóm tắt sao kê và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, có đủ cơ sở để chứng minh ông H đã được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng nêu trên, số tiền ông H thực hiện các giao dịch, số tiền đã thanh toán, ông H hiện còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 92.458.463 đồng.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông H trả số nợ gốc trên là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2] Về lãi suất: Căn cứ Quyết định số 2399/2019/QĐ -TTT ngày 06/8/2019 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S quy định mức lãi suất áp dụng đối với thẻ tín dụng Visa là 2,6%/tháng, lãi quá hạn tính bằng 150% lãi suất trong hạn (3,9%/tháng).

Xét thấy, mức lãi suất trên do các bên tự nguyện thỏa thuận tại điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật. Việc Ngân hàng áp dụng mức lãi suất trên có cơ sở để chấp nhận. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông H trả số nợ lãi quá hạn 111.061.104 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Như vậy tổng số tiền ông H có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng, gồm nợ gốc và nợ lãi quá hạn, tổng cộng là 203.519.567 đồng. Ông H còn nghĩa vụ thanh toán tiếp khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 16/9/2023 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, để làm rõ khoản nợ nêu trên Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông H đến tòa để trình bày ý kiến của mình nhưng ông H vẫn vắng mặt xem như đã từ bỏ quyền cung cấp chứng cứ, quyền tự bảo vệ lợi ích của mình trước tòa.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Chương Quốc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.175.978 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.524.810 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điề u 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điề u 266; Điề u 271; Điề u 273; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

- Buộc ông Chương Quốc H phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S (S) số tiền nợ của thẻ tín dụng là 203.519.567 đồng (hai trăm lẻ ba triệu năm trăm mười chín ngàn năm trăm sáu mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc là 92.458.463 đồng (chín mươi hai triệu bốn trăm năm mươi tám ngàn bốn trăm sáu mươi ba đồng), nợ lãi quá hạn là 111.061.104 đồng (một trăm mười một triệu không trăm sáu mươi mốt ngàn một trăm lẻ bốn đồng) theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 27/12/2013.

Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Chương Quốc H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết

định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Chương Quốc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.175.978 đồng (Mười triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn chín trăm bảy mươi tám đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.524.810 đồng (hai triệu năm trăm hai mươi tư ngàn tám trăm mười đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0009765 ngày 18/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hà nh á n dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Quận N;
- Chi cục THADS Quận N;
- Đương sự
- Lưu VP, HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Thanh Trang